

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt mức trợ giá sản phẩm công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trung tâm Giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Căn cứ Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 281/TTr-SNN ngày 07/8/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này mức trợ giá, số lượng sản phẩm và dự toán kinh phí thực hiện trợ giá sản phẩm công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên năm 2023 cho Trung tâm Giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, với số tiền là **4.572.932.584 đồng**, (Bốn tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm ba mươi hai ngàn, năm trăm tám mươi bốn đồng) – Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Nguồn kinh phí thực hiện:

- Sử dụng từ nguồn kinh phí đã giao dự toán cho Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh, với số tiền là: 4.285.000.000 đồng.

- Phần kinh phí còn lại là 287.932.584 đồng (4.572.932.584 đồng – 4.285.000.000 đồng): giao Sở Tài chính soát xét, tham mưu, đề xuất bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023 đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

**Điều 2.** Phương thức trợ giá sản phẩm công ích:

Ngân sách nhà nước trợ giá phần chênh lệch giữa giá tiêu thụ với chi phí hợp lý (*chi phí hợp lý đã bao gồm chi phí khấu hao con giống, chưa bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định*) của từng đối tượng sản phẩm công ích (*trong đó: (i) Đối với Lợn giống gốc: mức trợ giá được tính trên từng con giống gốc đạt tiêu chuẩn trong năm; (ii) Đối với các đối tượng giống thủy sản: mức trợ giá được tính trên từng sản phẩm con giống được sản xuất và tiêu thụ trong năm*).

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện:**

#### **1. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT:**

- Ban hành quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng đối với từng sản phẩm công ích thực hiện trợ giá, cơ chế kiểm tra, giám sát và nghiệm thu sản phẩm công ích để làm cơ sở cho việc đặt hàng.

- Chỉ đạo kiểm tra, theo dõi và giám sát việc thực hiện đặt hàng cung cấp sản phẩm công ích nêu trên; chỉ đạo và hướng dẫn Trung tâm Giống Nông nghiệp tổ chức triển khai thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

- Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh ban hành quyết định về số lượng sản phẩm thực hiện trợ giá sản phẩm công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên hằng năm, làm cơ sở lập, phân bổ dự toán kinh phí thực hiện theo quy định.

#### **2. Đối với các năm tiếp theo:**

- Căn cứ Danh mục sản phẩm công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được UBND tỉnh phê duyệt; Trường hợp có biến động về đơn giá, định mức làm thay đổi lớn đến chi phí, doanh thu của đơn vị, Sở Nông nghiệp và PTNT căn cứ mức trợ giá của năm trước liền kề, xây dựng lại đơn giá, định mức và phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định, tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

- Căn cứ số lượng sản phẩm công ích dự kiến thực hiện của năm tiếp theo được UBND tỉnh phê duyệt và mức trợ giá sản phẩm công ích được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định này (*hoặc điều chỉnh, bổ sung nếu có*), Sở Nông nghiệp và PTNT lập dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp thẩm quyền bố trí dự toán ngân sách đầu năm để thực hiện theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Giống Nông nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K13.

**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**

**Mức trợ giá, số lượng sản phẩm và dự toán kinh phí thực hiện trợ giá sản phẩm công ích  
sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên năm 2023  
cho Trung tâm Giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT**

(Kèm Quyết định số: \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_/8/2023 của UBND tỉnh)

ĐVT: đồng

| TT        | Danh mục sản phẩm công ích                            | ĐVT | Số lượng<br>sản phẩm<br>được hỗ<br>trợ/ năm | Mức trợ<br>giá/sản<br>phẩm | Dự toán kinh<br>phí hỗ trợ/năm |
|-----------|-------------------------------------------------------|-----|---------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|
| A         | B                                                     | C   | 1                                           | 2                          | 3=1*2                          |
| <b>I</b>  | <b>Lĩnh vực giống vật nuôi</b>                        |     |                                             |                            | <b>2.354.618.785</b>           |
| 1         | Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống Lợn nái   | Con | 125                                         | 18.052.417                 | 2.256.552.125                  |
| 2         | Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống Lợn đực   | Con | 20                                          | 4.903.333                  | 98.066.660                     |
| <b>II</b> | <b>Lĩnh vực giống thủy sản</b>                        |     |                                             |                            | <b>2.218.313.799</b>           |
| 1         | Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cá rô phi | Con | 1.511.874                                   | 835                        | 1.262.414.790                  |
| 2         | Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cá Chép   | Con | 505.440                                     | 636                        | 321.459.840                    |
| 3         | Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cá Koi    | Con | 12.131                                      | 52.299                     | 634.439.169                    |
|           | <b>Tổng cộng (I+II)</b>                               |     |                                             |                            | <b>4.572.932.584</b>           |